|  |  |
| --- | --- |
| **ĐƠN VỊ..................** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG**

**Báo cáo việc chấp hành quy định của pháp luật về lao động;**

**An toàn, vệ sinh lao động và bảo hiểm xã hội, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp tại doanh nghiệp**

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 435/KH-SLĐTBXH ngày 29 /3/2023*

*của Giám đốc Sở Lao động - TB&XH tỉnh Cao Bằng)*

Yêu cầu Giám đốc Công ty chuẩn bị báo cáo bằng văn bản, chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính pháp lý của số liệu (có đóng dấu xác nhận theo quy định, số liệu báo cáo từ ngày 01/01/2021 đến thời điểm được thanh tra, kiểm tra (gọi chung là kiểm tra)); bố trí làm việc với Đoàn thanh tra/kiểm tra.

Bản báo cáo theo đề cương gửi về Thanh tra Sở Lao động - TB&XH tỉnh Cao Bằng (địa chỉ: 38, phố xuân trường, phường Hợp giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng) ***trước khi tiến hành kiểm tra,*** đồng thời gửi file mềm báo cáo qua địa chỉ email: [ttrlđcb@gmail.com](mailto:ttrlđcb@gmail.com). Trong quá trình thực hiện có vướng mắc, đề nghị đơn vị liên hệ với Thanh tra Sở Lao động - TB&XH, ĐT: 0206 3 854 040.

**I. THÔNG TIN CHUNG**

- Tên, loại hình doanh nghiệp:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*giấy phép; giấy chứng nhận đầu tư*) số, ngày cấp, cơ quan cấp (nếu cấp đổi thì chỉ ghi đổi lần cuối cùng, ngày đổi, không ghi lần lượt từng lần đổi).

- Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính:

- Cơ cấu tổ chức, mô hình sản suất của doanh nghiệp:

- Trụ sở chính của doanh nghiệp: ; Số điện thoại:

- Số tài khoản và tên, địa chỉ của các Ngân hàng nơi doanh nghiệp giao dịch:

- Tổ chức công đoàn cơ sở:

- Tổng số ngư­ời làm việc tại doanh nghiệp tại thời điểm thanh tra: , trong đó nữ:….người.

**II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN PHÁP LUẬT LAO ĐỘNG TẠI DOANH NGHIỆP**

**1. Các loại báo cáo định kỳ**

- Báo cáo định kỳ tình hình thay đổi về lao động 06 tháng và hàng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

- Báo cáo định kỳ về tình hình tai nạn lao động 06 tháng đầu năm và cả năm với cơ quan quản lý về lao động tại địa phương.

- Báo cáo định kỳ về An toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý về lao động tại địa phương.

- Thực hiện tự kiểm tra việc thực hiện pháp luật lao động theo quy định tại Thông tư số 17/2018/TT-BLĐTBXH ngày 17/10/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về tự kiểm tra thực hiện PLLĐ tại doanh nghiệp.

**2. Thực hiện hợp đồng lao động** (*số liệu tính tại thời điểm Thanh tra; đối với toàn bộ số lao động của doanh nghiệp*)

- Số người không thuộc diện phải ký kết hợp đồng lao động:

- Số người thuộc diện phải ký kết hợp đồng lao động:

- Số người đã ký kết hợp đồng lao động, chia ra:

+ Hợp đồng lao động không xác định thời hạn:

+ Hợp đồng lao động xác định thời hạn:

- Số người lao động thuê lại:

- Số ngư­ời chư­­a đ­ược ký kết hợp đồng lao động: ; lý do:

- Số người bị mất việc làm......; số người được hưởng trợ cấp mất việc làm....., số tiền đã trả:

- Báo cáo Sở Lao động - TB&XH tr­­ước khi cho nhiều người lao động mất việc làm (nếu có):

- Số lao động thôi việc......; số người được hưởng trợ cấp thôi việc......, số tiền đã trả.........:

**3. Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất**

- Việc xây dựng và đăng ký nội quy lao động của đơn vị:

- Số vụ xử lý kỷ luật lao động (phân loại số vụ theo các hình thức):

- Việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ l­­ương:

- Những tr­­ường hợp ng­ười lao động phải bồi th­­ường trách nhiệm vật chất:

**4. Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp**

- Số người thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp...........; Số người đã tham gia.........; Số người chưa tham gia..........; Số người không phải tham gia........ *(lập danh sách kèm theo):*

- Số sổ bảo hiểm xã hội đã được cấp..; số sổ bảo hiểm xã hội chưa được cấp:

- Số tiền phải nộp cho cơ quan BHXH năm 2022.....; đến thời điểm kiểm tra.....:

- Số tiền đã nộp cho cơ quan BHXH năm 2022....; đến thời điểm kiểm tra

- Số tiền chậm đóng cho cơ quan BHXH năm 2022......; đến thời điểm kiểm tra; lý do

**5. Thời giờ làm việc và nghỉ ngơi**

- Thời giờ làm việc hàng ngày, hàng tuần trong điều kiện lao động, môi trường lao động bình thường:

- Thời giờ làm việc hàng ngày, hàng tuần trong điều kiện lao động đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm:

- Số giờ làm thêm trường hợp cao nhất/ngày/tháng/năm.

- Việc thực hiện các quy định về nghỉ ngày lễ, tết, nghỉ việc riêng có lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương:

- Số ngày nghỉ hàng năm đối với lao động làm công việc bình thư­­ờng; lao động làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm:

**6. Tiền l­­ương và trả công lao động**

- Mức l­­ương tối thiểu doanh nghiệp đang áp dụng:

- Thu nhập thấp nhất...., cao nhất......, bình quân.......;:

- Phương thức trả lương (trả tiền mặt hay trả qua tài khoản); việc thỏa thuận người lao động chịu phí duy trì tài khoản (nếu có):

- Các hình thức trả l­ương đang áp dụng (*theo thời gian, theo sản phẩm, khoán*):

- Việc xây dựng thang l­­ương, bảng l­­ương, định mức lao động tại đơn vị

- Tiền l­­ương làm thêm giờ, tiền lư­­ơng làm việc vào ban đêm:

- Việc trả lương những ngày chưa nghỉ hàng năm hoặc ngày chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hàng năm cho người lao động:

- Tiền l­­ương ngừng việc, trả lương trong các tr­­ường hợp thiếu việc làm:

- Việc phạt tiền, trừ lương người lao động (báo cáo cụ thể từng vụ, nêu rõ lý do, căn cứ phạt tiền, trừ lương):

- Mức tiền ăn ca/suất (*nếu có*).

**7. An toàn lao động, vệ sinh lao động**

- Phân loại số lao động làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, vệ sinh lao động (*lập danh sách kèm theo):*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ tên** | **Công việc đang làm có yêu cầu nghiêm ngặt về ATLĐ** | **Bộ phận, đơn vị** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |  |

- Phân loại số lao động làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (*lập danh sách kèm theo)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ tên** | **Nghề, công việc nặng nhọc**  **độc hại, nguy hiểm đang làm** | **Bộ phận, đơn vị** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |  |

- Việc xây dựng, thực hiện kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hằng năm:

- Thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên:

- Việc bố trí người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động:

- Việc bố trí người làm công tác y tế:

- Việc cấp phát phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động:

- Việc xây dựng nội quy, quy trình làm việc bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị, nơi làm việc:

- Việc tổ chức tự kiểm tra an toàn, vệ sinh lao động:

- Thực hiện bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong điều kiện lao động nguy hiểm, độc hại:

- Việc tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động (*lập biểu kèm theo*)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nhóm huấn luyện** | **Số lượng** | **Đã huấn luyện** | **Chưa huấn luyện** |
| 1 | Nhóm 1 |  |  |  |
| 6 | Nhóm 6 |  |  |  |
| Tổng |  |  |  |  |

- Tổ chức khám sức khỏe cho người lao động:

\*/ Khám sức khỏe định kỳ:

+ Đối với lao động bình thường: Số đã khám....; số chưa khám.....

+ Đối với lao động làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại: Số đã khám.....; số chưa khám.........;

+ Số lao động nữ đã được khám chuyên khoa phụ sản.

\*/ Khám phát hiện bệnh nghề nghiệp cho người lao động làm việc trong điều kiện có nguy cơ mắc bệnh nghề nghiệp: Số phải khám; Số được khám; số chưa được khám.

- Lập hồ sơ quản lý, theo dõi sức khỏe người lao động.

- Tổ chức quan trắc môi trường lao động: Số mẫu đã đo, số mẫu đạt tiêu chuẩn và số mẫu không đạt tiêu chuẩn. Biện pháp giảm thiểu các mối nguy hiểm, có hại và cải thiện môi trường làm việc (nếu có).

- Tổng số các loại máy, thiết bị, vật tư­ có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đang sử dụng *(lập danh sách kèm theo)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên máy,**  **thiết bị, vật tư** | **Mã hiệu** | **Số chế tạo** | **Năm sản xuất** | **Ngày tháng năm kiểm định** | **Ngày tháng năm kiểm định tiếp theo** |
|  |  |  |  |  |  |  |

- Việc xây dựng phương án xử lý sự cố, ứng cứu khẩn cấp và định kỳ tổ chức diễn tập:

- Về an toàn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh: thực hiện các biện pháp an toàn khi sử dụng điện (máy, thiết bị...), sử dụng thiết bị.....

- Tổng số vụ tai nạn lao động từ ngày 01/01/2022 đến thời điểm kiểm tra, trong đó:

+ Tai nạn nhẹ: ... vụ.... ngư­­ời.

+ Tai nạn nặng: ... vụ... ngư­­ời.

+ Tai nạn chết ng­ười: ... vụ.... ng­­ười.

- Số vụ tai nạn lao động đã đ­­ược điều tra, lập biên bản; số ng­­ười bị tai nạn lao động đã được giám định sức khoẻ.

**8. Lao động đặc thù**

***8.1. Các quy định riêng đối với lao động nữ***

- Tổng số lao động nữ.

- Thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ, gồm:

+ Thực hiện quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi đối với lao động nữ có thai từ tháng thứ 7 trở lên làm các công việc nặng nhọc; lao động nữ nuôi con dư­ới 12 tháng tuổi;

+ Trả lương cho lao động nữ trong giờ nghỉ làm vệ sinh kinh nguyệt và nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi (đối với lao động nữ hưởng lương theo sản phẩm).

+ Những tr­­ường hợp sa thải hoặc đơn phư­ơng chấm dứt hợp đồng lao động đối với lao động nữ trong doanh nghiệp.

+ Việc bố trí chỗ thay quần áo, buồng tắm và buồng vệ sinh cho lao động nữ.

+ Việc thực hiện các chế độ cho lao động nữ mang thai, nghỉ thai sản và đảm bảo việc làm cho lao động nữ sau khi nghỉ thai sản.

***8.2. Đối với lao động là người lao động cao tuổi***

- Tổng số người lao động cao tuổi;

- Việc thực hiện chế độ đối với người lao động cao tuổi: thời giờ làm việc, trả lương, khám sức khỏe....

***8.3. Đối với lao động là người chưa thành niên:***

- Tổng số lao động là người chưa thành niên:

- Việc thực hiện các quy định đối với lao đông là người chưa thành niên: ký HĐLĐ, lập sổ theo dõi, thời giờ làm việc...

***8.4. Đối với lao động là ngư­ời nước ngoài***

***-*** Tổng số lao động là người nước ngoài doanh nghiệp đang sử dụng.

- Số lao động là người nước ngoài thuộc đối t­ượng phải có giấy phép lao động.

- Số đã đ­ược cấp giấy phép, số chưa được cấp giấy phép.

**9. Khiếu nại về lao động:**Số vụ, nguyên nhân và kết quả giải quyết.

**III. NHẬN XÉT, KIẾN NGHỊ CỦA DOANH NGHIỆP**

- Những vướng mắc khi thực hiện các quy định của pháp luật về lao động, BHXH.

- Công tác quản lý nhà nước về lao động đối với doanh nghiệp./.

**GIÁM ĐỐC ĐƠN VỊ....**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**DANH MỤC HỒ SƠ, TÀI LIỆU CẦN CHUẨN BỊ, CUNG CẤP**

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bản sao (giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận đầu tư).

2. Danh sách trích ngang người lao động; sổ quản lý lao động.

3. Các loại báo cáo: (i) Báo cáo định kỳ tình hình thay đổi về lao động 06 tháng và hàng năm; (ii) Báo cáo định kỳ về tình hình tai nạn lao động 06 tháng đầu năm và cả năm; (iii) Báo cáo định kỳ về công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý về lao động tại địa phương.

4. Hợp đồng lao động (mỗi loại 10 bản).

5. Thang lương, bảng lương, quy chế trả lương.

6, Bảng thanh toán lương, bảng chấm công từ tháng 01/2023 đến thời điểm thanh tra.

7. Thông báo nộp tiền BHXH của cơ quan BHXH (tháng gần nhất thời điểm thanh tra).

8. Danh sách lao động làm các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

9.Danh sách lao động làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

10. Danh sách biểu huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động.

11. Danh sách máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

12. Kế hoạch, biện pháp an toàn, VSLĐ và cải thiện điều kiện lao động hằng năm.

13. Quyết định thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên; hội đồng an toàn, vệ sinh lao động cơ sở (nếu có).

14. Nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị và tại nơi làm việc.

15. Kết quả quan trắc môi trường lao động.

16. Hồ sơ quản lý, theo dõi khám sức khoẻ (năm 2022, thời điểm kiểm tra).

17. Sổ theo dõi cấp phát ph­ương tiện bảo vệ cá nhân.

18. Hồ sơ huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động: Sổ theo dõi huấn luyện an toàn lao động, chứng chỉ, chứng nhận, thẻ an toàn lao động được cấp và hợp đồng kinh tế với tổ chức dịch vụ huấn luyện để tổ chức huấn luyện (nếu có).

19. Hồ sơ các máy, thiết bị, vật t­­ư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, gồm: danh sách, lý lịch máy, thiết bị, biên bản kiểm định, phiếu kiểm định kỹ thuật ATLĐ

20. Biên bản điều tra tai nạn lao động (nếu có); chứng từ chi trả các chế độ cho người bị tai nạn lao động (nếu có).

1. Nội quy lao động của doanh nghiệp.
2. Hồ sơ kỷ luật lao động: Quyết định xử lý kỷ luật, biên bản vụ việc (nếu có)

23. Ngoài các hồ sơ trên, Đoàn thanh tra có thể yêu cầu đơn vị cung cấp thêm các hồ sơ, tài liệu khác theo nội dung thanh tra khi làm việc trực tiếp tại đơn vị; kiểm tra thực tế; phỏng vấn người lao động để chứng minh việc thực hiện các nội dung theo Đề cương báo cáo của doanh nghiệp./.

**­­­­­­­­­­­­­­**